Ký bởi Trung tâm Thông tin
Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh Sơn La
Giờ ký: 2026-01-06T11:11:03.1040222+07:00

PHỤ LỤC SỐ 02

CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN ĐÃ CHI 6 THÁNG CÁC ĐƠN VỊ KHI THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

(Kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã Tô Múa)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng dự toán chi điều chỉnh tăng	Trong đó								Ghi chú
			Tổng dự toán chi tăng của các đơn dự toán	Các đơn vị dự toán						Tổng dự toán chi tăng tại cấp ngân sách xã Tô Múa	
				Trường Mầm non Suối Bàng	Trường Mầm non Tô Múa	Trường Mầm non Chiềng Khoa	Trường TH&THCS Chiềng Khoa	Trường TH&THCS Suối Bàng	Trường TH&THCS Tô Múa		
	Tổng cộng	**32.850.978.118**	**32.850.978.118**	**2.705.720.579**	**4.138.216.306**	**3.497.375.974**	**6.108.643.922**	**5.960.069.329**	**10.440.952.008**	**-**	
I	**Chi sự nghiệp kinh tế, môi trường**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Số đã chi 6 tháng đầu năm của các cơ quan, đơn vị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
II	**Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề**	**32.850.978.118**	**32.850.978.118**	**2.705.720.579**	**4.138.216.306**	**3.497.375.974**	**6.108.643.922**	**5.960.069.329**	**10.440.952.008**	**-**	
1	Số đã chi của các đơn vị dự toán cấp huyện tiếp tục hoạt động, chuyển giao về chính quyền cấp xã quản lý	32.850.978.118	32.850.978.118	2.705.720.579	4.138.216.306	3.497.375.974	6.108.643.922	5.960.069.329	10.440.952.008	-	
a	Kinh phí tự chủ	29.315.764.118	29.315.764.118	2.317.596.579	3.668.218.306	3.426.855.974	5.994.723.922	4.805.157.329	9.103.212.008		
	Lương, chi khác	29.315.764.118	29.315.764.118	2.317.596.579	3.668.218.306	3.426.855.974	5.994.723.922	4.805.157.329	9.103.212.008		
	Kinh phí quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	-	-								
b	Kinh phí không tự chủ	3.535.214.000	3.535.214.000	388.124.000	469.998.000	70.520.000	113.920.000	1.154.912.000	1.337.740.000		
-	Kinh phí đào tạo lớp sơ, trung cấp cấp lý luận chính trị	-	-								
-	Kinh phí các lớp bồi dưỡng của huyện	-	-								
-	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương ban hành	3.535.214.000	3.535.214.000	388.124.000	469.998.000	70.520.000	113.920.000	1.154.912.000	1.337.740.000		
-	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do HĐND tỉnh ban hành	-	-	-	-	-	-	-	-		
-	Kinh phí tinh giản biên chế	-	-				-				

Số TT	Nội dung	Tổng dự toán chi điều chỉnh tăng	Trong đó								Ghi chú
			Tổng dự toán chi tăng của các đơn dự toán	Các đơn vị dự toán						Tổng dự toán chi tăng tại cấp ngân sách xã Tô Múa	
				Trường Mầm non Suối Bàng	Trường Mầm non Tô Múa	Trường Mầm non Chiềng Khoa	Trường TH&THCS Chiềng Khoa	Trường TH&THCS Suối Bàng	Trường TH&THCS Tô Múa		
III	**Chi sự nghiệp VH-TT,TD-TT và TTTH**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Số đã chi của các đơn vị dự toán cấp huyện tiếp tục hoạt động, chuyển giao về chính quyền cấp xã quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
a	Kinh phí tự chủ	-	-								
b	Kinh phí không tự chủ	-	-	-	-	-	-				
-	Kinh phí thực hiện chế độ nhuận bút	-	-								
-	Kinh phí hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, truyền thông khác	-	-								
-	Kinh phí trang Wed du lịch Vân Hồ	-	-								
-	Kinh phí thuê hạ tầng và duy trì thuê bao (4G) các cụm thu ứng dụng CNTT-Viễn thông (TT Truyền thông - Văn hóa)	-	-								
IV	**Chi đảm bảo xã hội**	**0**	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Số đã chi 6 tháng đầu năm của các cơ quan, đơn vị cấp huyện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
V	**Chi quản lý hành chính**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Số đã chi 6 tháng đầu năm của các cơ quan, đơn vị cấp huyện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
VI	**Chi an ninh - quốc phòng và đối ngoại**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Số đã chi 6 tháng đầu năm của các cơ quan, đơn vị cấp huyện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
VII	**Chi khác**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Số đã chi 6 tháng đầu năm của các cơ quan, đơn vị cấp huyện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
VIII	**CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Kinh phí thực hiện Dự án 6: Bảo tồn và phát duy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (Mã 10516)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Kinh phí thực hiện Dự án 5, tiểu Dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Mã 10515)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	